TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19/7/2019.
V/v: Ly hôn giữa chị T và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Nguyễn Đức Quyết.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Quàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2019 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị LTT, sinh năm 1990, trú tại: Bản MC, xã NC, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh TVT, sinh năm 1983, trú tại: Bản MC, xã NC, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTT trình bày:

Chị và anh TVT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 17/3/2014 có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã NC, huyện ML, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 7 năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh TVT không chăm lo xây dựng gia đình, đi vào con đường nghiện ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can nhưng không khắc phục được. Đến đầu năm

2017 hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTT xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh TVT.

Về con chung: Có một cháu là TTH, sinh ngày 15/5/2014. Hiện nay con đang ở với chị, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh TVT cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Do anh TVT nghiện ma túy đã bán phát tán hết, không còn gì, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, nợ: Không có và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh TVT từ chối trình bày: Căn cứ vào phiên hòa giải cơ sở và các tài liệu xác nhận quan hệ hôn nhân với chị LTT. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTT. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị LTT trình bày là đúng.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ để xử cho chị LTT được ly hôn anh TVT;

Về con chung: Giao cho chị LTT trực tiếp nuôi cháu TTH, sinh ngày 15/5/2014. Chị LTT không yêu cầu anh TVT cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận;

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Chị LTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh TVT sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bầy nguyện vọng, anh TVT đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Công an xã NC, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh TVT.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTT và anh TVT có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ

chồng chủ yếu do anh TVT không chăm lo xây dựng gia đình, đi vào con đường nghiện ma túy. Chị LTT và anh TVT đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTT và anh TVT đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTT yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTT được ly hôn anh TVT.

[3] Về con chung: Có một cháu là TTH, sinh ngày 15/5/2014. Hiện nay con đang ở với chị LTT, chị LTT có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh TVT cấp dưỡng nuôi con. Do anh TVT được xác định nghiện ma túy, cần chấp nhận yêu cầu của chị LTT được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh TVT cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ: Được xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị LTT được ly hôn anh TVT.

2. Về con chung: Giao cho chị LTT trực tiếp nuôi dưỡng cháu là TTH, sinh ngày 15/5/2014. Anh TVT không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ: Đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Chị LTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000864 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị LTT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 19/7/2019. Anh TVT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;

- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã NC, huyện ML
(để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn